

Số: 16/2019/QĐST-DS

Chương Mỹ, ngày 26 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày **18** tháng **4** năm **2019** về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 11/2019/TLST-DS, ngày 05 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng T (Ngân hàng T).

Địa chỉ: quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông A** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: **Bà B** - Chức danh: Giám đốc Xử lý nợ (Theo Quyết định ủy quyền số 1218/2017/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2017).

Bà B ủy quyền cho bà PTN – Cán bộ xử lý nợ (theo Giấy ủy quyền số 797/2018/UQ-TCB ngày 01/8/2018).

* **Bị đơn:** 1. Ông NDN, sinh năm 1963.

2. Bà NTL, sinh năm 1963 (vợ ông NDN)

Đều trú tại: xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Bà NTL ủy quyền cho ông NDN (theo giấy ủy quyền có xác nhận của UBND xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ ngày 27/3/2019).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

01. Chi NTL1, sinh năm 1983 (con ông N + bà L)

02. Anh NDT, sinh năm 1985 (con ông N + bà L)

03. Anh NDL2, sinh năm 1988 (con ông N + bà L)
Điều ĐKKHKT và cư trú: xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

04. Chị NTP, sinh năm 1990 (Vợ anh T)

05. Chị TTH, sinh năm 1988 (Vợ anh L2)

06. Cháu Nguyễn Duy Bảo X, sinh năm 2011 (con T+P)

07. Cháu Nguyễn Duy Bảo Y, sinh năm 2014 (con T+P)

08. Cháu Nguyễn Duy Bảo Z, sinh năm 2017 (con T+P)

Người đại diện theo pháp luật của các cháu X, Y, Z: Anh NDT, chị NTP (bố mẹ đẻ).

09. Cháu Nguyễn Duy Bảo X1, sinh năm 2008 (con L2 + H)

10. Cháu Nguyễn Duy Bảo Y1, sinh năm 2010 (con L2 + H)

Người đại diện theo pháp luật của các cháu X1, Y1: Anh NDL2, chị TTH (bố mẹ đẻ).

Chị NTL1, Anh NDT, Anh NDL2, Chị NTP, Chị TTH đều ủy quyền cho ông NDN (theo giấy ủy quyền có xác nhận của UBND xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ ngày 27/3/2019).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ: Theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 38233/HĐTD/TH-TN/TCB LTK-HDU ngày 01/11/2010 và Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số: 38233 ngày 06/11/2010 được ký kết giữa Ngân hàng T (Ngân hàng T) với vợ chồng ông NDN + bà NTL: Vợ chồng ông NDN + bà NTL còn nợ và có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng T (Ngân hàng T) số tiền tạm tính đến hết ngày **25/7/2018** tổng số tiền là **2.805.817.077** đồng. Trong đó: Nợ gốc: **1.358.339.000** đồng, nợ lãi: **1.447.478.077** đồng (Trong đó: Nợ lãi Trong hạn là: 991.166.720 đồng; Nợ lãi quá hạn là 456.311.357 đồng).

Vợ chồng ông NDN + bà NTL phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày **26/7/2018** theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 38233/HĐTD/TH-TN/TCB LTK-HDU ngày 01/11/2010, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số: 38233 ngày 06/11/2010 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp vợ chồng ông NDN + bà NTL trả nợ xong cho Ngân hàng T (Ngân hàng T), Ngân hàng T (Ngân hàng T) có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp tài sản đã thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 03, có diện tích 273m²; mục đích sử dụng: T, thời hạn sử dụng: lâu dài, tại địa chỉ: xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: **S 008052**, sổ vào sổ cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất: 00704 do UBND huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) cấp ngày 18/6/2002 mang tên **hộ ông NDN**).

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp vợ chồng ông NDN + bà NTL không thanh toán hoặc thanh toán

không đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng T (Ngân hàng T) thì Ngân hàng T (Ngân hàng T) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng T (Ngân hàng T). Cụ thể là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 03, có diện tích 273m²; mục đích sử dụng: T, thời hạn sử dụng: lâu dài, tại địa chỉ: xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: **S 008052**, số vào sổ cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất: 00704 do UBND huyện Chương Mỹ tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) cấp ngày 18/6/2002 mang tên **hộ ông NDN**).

Theo đó: Ông NDN, bà NTL, chị NTL1, anh NDT, anh NDL2, chị NTP, chị TTH, cháu X, cháu Y, cháu Z (*con anh T + chị P*), cháu X1, cháu Y1 (*con anh L2 + chị H*) cùng những người đang sinh sống trên thửa đất (nếu có phát sinh thêm) có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng ông NDN + bà NTL. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì vợ chồng ông NDN + bà NTL vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng T (Ngân hàng T).

2.3. Về án phí:

Ông NDN + bà NTL tự nguyện chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm là **44.058.171** đồng (*Bốn mươi bốn triệu, không trăm lăm mươi tám nghìn, một trăm bảy một đồng*).

Ngân hàng T (Ngân hàng T) được hoàn trả số tiền **51.000.000** đồng (*Năm mươi một triệu đồng chẵn*) dự phí đã nộp (*theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003826 ngày 04/3/2019*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Long